

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA ĐÀI LOAN VÀO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 1988-2005

PHẠM THỊ HỒNG PHƯỢNG*

Gần 20 năm qua kể từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới nền kinh tế (1986) và công bố chính thức *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* (9/1/1988) với những lần sửa đổi bộ luật này vào các năm 1990, 1992, 1996 và 2000, quyền của nhà đầu tư đã liên tục được cụ thể hoá, điều chỉnh và mở rộng. Dòng vốn đầu tư nước ngoài di chuyển vào Việt Nam đã đạt con số đáng kể. Hiện nay, Việt Nam được xếp hạng 68 trong tổng số 140 quốc gia được coi là có sức hấp dẫn về môi trường đầu tư. Nếu xét riêng luồng vốn FDI thì thứ hạng của Việt Nam còn cao hơn. Năm 2005, luồng vốn FDI vào Việt Nam đạt khoảng 5,8 tỷ USD (so với 4,2 tỷ USD năm 2004), đánh dấu sự xuất hiện của “làn sóng đầu tư thứ hai” (“làn sóng đầu tư thứ nhất” là giai đoạn 1991-1997 với đỉnh cao là 8,8 tỷ USD vốn FDI năm 1996).⁽¹⁾

Tình hình đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam trong những năm gần đây diễn ra trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế vừa có những yếu tố thuận lợi vừa đan xen không ít khó khăn.

1. Những thuận lợi và khó khăn của môi trường đầu tư Việt Nam

a. Những thuận lợi

Tình hình chính trị xã hội của Việt Nam tiếp tục ổn định, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Chính sách đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại của Việt Nam tiếp tục được thực hiện có hiệu quả. Việt Nam chủ động đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế gắn với việc hoàn chỉnh hệ thống pháp luật chính sách ở trong nước. Đặc biệt, việc xây dựng và trình quốc hội thông qua 3 luật quan trọng liên quan đến đầu tư là *Luật đầu tư*, *Luật Doanh nghiệp*, *Luật đấu thầu* đã củng cố lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài về chính sách đầu tư ổn định lâu dài và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế của Việt Nam.

Thuận lợi lớn và cơ bản của Việt Nam trong những năm qua là sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, trong khi kinh tế thế giới chưa thoát hẳn ra khỏi tình trạng trì trệ, khó khăn. “Chưa có nơi nào đầu tư an toàn như ở Việt Nam với môi trường xã hội ổn định, chi phí lao động cạnh tranh”, ông Charly Madan, Tổng giám đốc Citigroup tại Việt Nam đã khẳng định như vậy khi nói về những lợi thế của Việt Nam.

Ngoài ra, vị trí địa lý của Việt Nam khá thuận lợi cho trung chuyển, vận tải hàng hoá, phát triển du lịch và các ngành dịch vụ khác. Vị thế về địa kinh tế của Việt Nam được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm để mở đường đi vào Đông Nam Á và thị trường rộng lớn miền Nam Trung Quốc.

Hơn nữa, Việt Nam tuy còn là quốc gia có thu nhập trên đầu người thấp, nhưng là thị trường tiềm năng với sức mua của 80 triệu dân, thu nhập đang tăng. Việt Nam lại có lực lượng lao động dồi dào, trẻ, có trình độ văn hoá và khả năng nắm bắt, thích ứng nhanh

* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

⁽¹⁾ Vụ tổng hợp kinh tế Bộ Ngoại giao, *Đặc san Kinh tế đối ngoại Việt Nam 2005*, Số tháng 1 năm 2006, trang 11.

với điều kiện mới, giá nhân công vẫn vào loại rẻ... Đây là lợi thế nếu so sánh với nhiều nước khác trong khu vực như Xingapo, Malaixia. Do vậy, các nhà đầu tư vẫn có thể chuyển hoạt động đầu tư từ những nước có giá nhân công cao sang Việt Nam để giảm chi phí.

Như vậy, Việt Nam là một nước có tiềm năng rất lớn để thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Một số nhà kinh tế nước ngoài cho rằng nếu có chính sách hấp dẫn, nhất quán, điều hành tập trung thống nhất, Việt Nam hoàn toàn có thể thu hút được FDI để phát triển kinh tế ngang bằng, xấp xỉ với tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc, là địa bàn có quy mô và điều kiện tương tự Việt Nam, tức là mỗi năm có thể thu hút khoảng 9-10 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài.

b. Những khó khăn

Thứ nhất, mặc dù hệ thống kết cấu hạ tầng của Việt nam vẫn đang tiếp tục được nâng cấp nhưng so với Trung Quốc và nhiều nước trong khu vực thì vẫn thuộc loại thấp kém, chưa thuận lợi; quy mô thị trường tuy có tiềm năng nhưng cũng không rộng lớn như Trung Quốc; thu nhập và sức mua của người dân (GDP bình quân đầu người mới chỉ đạt trên 400 USD/năm) còn quá thấp so với các nước trong khu vực, đây chính là một trong những yếu tố hạn chế sự chú ý của các nhà đầu tư.

Tuy nhiên, khó khăn chủ yếu hiện nay là môi trường đầu tư của Việt nam còn nhiều hạn chế, tính hấp dẫn và tính cạnh tranh trong thu hút FDI chưa cao, thậm chí đang mất dần một số lợi thế so sánh so với các nước trong khu vực. Những yếu kém chủ quan của Việt nam trong lĩnh vực này như: môi trường pháp lý chưa hoàn thiện; thiếu chiến lược, quy hoạch cụ thể để thu hút FDI; cơ chế, chính sách khuyến khích FDI chưa thật sự hấp dẫn, lại hay thay đổi làm các nhà

đầu tư khó lường trước; được diễn biến của tình hình; lĩnh vực và hình thức đầu tư còn hạn hẹp; chi phí đầu tư cao; thủ tục hành chính rườm rà.... Đúng như một số doanh nghiệp Đài Loan nhận xét, mặc dù khuôn khổ pháp luật, chính sách của Việt Nam đã được cải thiện nhiều, nhưng còn nhiều chỗ chưa được minh bạch, thiếu ổn định và thực hiện chưa tốt, do vậy chưa hoàn toàn thuận lợi hấp dẫn trong thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

Ngoài ra, những nguyên nhân khác quan khác như hạn hán, lũ lụt hay dịch cúm gà cũng gây ra tâm lý lo ngại đối với các nhà đầu tư nước ngoài khi có ý định tìm hiểu môi trường đầu tư tại Việt Nam.

2. Tình hình đầu tư trực tiếp của Đài Loan vào Việt Nam

Đài Loan là vùng lãnh thổ nằm ở vùng Đông Bắc Á, có diện tích 36.000km², dân số vào khoảng 22,4 triệu người. Trong suốt 15 năm (1985-2000), kinh tế Đài Loan liên tiếp đạt tốc độ tăng trưởng trên 5%/ năm. Năm 2002, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 309 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu đạt 122 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 107 tỷ USD.

Ngay sau khi Việt Nam thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, trong định hướng mở rộng thị trường và địa điểm đầu tư, Chính quyền Đài Loan đã kêu gọi các doanh nghiệp của mình quan tâm hơn đến khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, nơi có vị trí thuận lợi trong buôn bán và có điều kiện để phát triển các ngành công nghiệp và đang tiến tới hình thành khu vực thương mại tự do.

Các nhà đầu tư Đài Loan cũng đánh giá rất tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Theo số liệu của các ngân hàng Đài Loan, cứ 3 Doanh nghiệp Đài Loan đầu tư vào khu vực Đông Nam Á thì có một đầu tư vào Việt Nam. Tính đến hết tháng 8 năm 2005, Việt Nam thu hút trên 7,6 tỷ USD

từ Đài Loan, nước đang giữ vị trí dẫn đầu các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về vốn đầu tư và số dự án. Theo dự báo của các ngân hàng Đài Loan, trong vòng 3-4 năm tới con số đó sẽ vượt qua 11 tỷ USD. Dự báo khách quan này được đưa ra là do các doanh nghiệp Đài Loan nhận thấy hiệu quả của các dự án đầu tư, nhưng trên hết chính là triển vọng trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam trong thời gian tới.

Có thể nói, từ năm 1988 đến nay, tốc độ đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam tăng đáng kể. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2005 (đối với những dự án còn hiệu lực) thì tổng số dự án của Đài Loan đầu tư vào Việt Nam là 1.408 dự án với tổng số vốn đầu tư là 7,9 tỷ USD, vốn pháp định là 3,4 tỷ USD và đã thực hiện đầu tư là 2,9 tỷ USD. Chỉ riêng năm ngoái, Đài Loan đã đầu tư tới 674 triệu USD vào Việt Nam, tăng tới 43,7% so với cùng kỳ năm 2004. Con số 7,9 tỷ USD là chưa kể số vốn mà nhiều nhà đầu tư Đài Loan rót vào Việt Nam thông qua các quỹ đầu tư đặt ở nước thứ ba. Theo ước đoán, nếu tính cả số này, tổng số vốn của các doanh nghiệp Đài Loan đổ vào Việt Nam có thể đã lên tới 10 tỷ USD⁽²⁾. Trước đó, Cục trưởng

Đầu tư nước ngoài Đài Loan - ông Âu Gia Thụy từng dự báo, với đà tăng trưởng như trên, chỉ trong 3-4 năm nữa vốn đầu tư của các doanh nghiệp Đài Loan vào Việt Nam sẽ vượt qua 11 tỷ USD. Như vậy, Đài Loan là nước đứng đầu trong tổng số các nước và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư vào Việt Nam về số lượng dự án cũng như số vốn đầu tư. (Nguồn Cục đầu tư nước ngoài- Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam có mặt ở hầu hết các ngành công nghiệp, nông, lâm nghiệp và dịch vụ. Nếu tính trong giai đoạn 1988-2005 thì sự phân bố đầu tư giữa các ngành mà Đài Loan đầu tư vào Việt Nam như sau: ngành công nghiệp chiếm tới 1.032 dự án, ngành nông, lâm nghiệp 296 dự án, còn lại là 74 dự án trong lĩnh vực dịch vụ. Về nông nghiệp, Đài Loan cũng đứng đầu trong số 31 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào nông nghiệp Việt Nam. Trong số các dự án công nghiệp thì công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng có số dự án ngang nhau, công nghiệp nhẹ 462 dự án với tổng vốn đầu tư 2,8 tỷ USD, công nghiệp nặng là 470 dự án và tổng vốn đầu tư là 1,9 tỷ USD. Trong khi đó công nghiệp thực phẩm chỉ chiếm 35 dự án và xây dựng là 65 dự án.

Đầu tư Đài Loan tại Việt Nam theo ngành 1988-2005
(Tính tới ngày 31/12/2005- chỉ tính các dự án còn hiệu lực)

STT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (USD)	Đầu tư đã thực hiện (USD)
I	Công nghiệp	1,032	5,569,195,342	2,065,589,642
	Công nghiệp nhẹ	462	2,784,012,690	954,443,928
	Công nghiệp nặng	470	1,865,622,995	613,522,543
	Công nghiệp thực phẩm	35	107,100,280	65,869,288
	Xây dựng	65	812,459,377	431,753,883
II	Nông - Lâm nghiệp	296	999,973,661	325,095,714
	Nông - Lâm nghiệp	268	935,212,031	286,885,843
	Thủy sản	28	64,761,630	38,209,871

⁽²⁾ Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và đầu tư.

III	Dịch vụ	74	1,362,276,617	547,043,024
	Dịch vụ	26	24,289,506	3,864,718
	Giao thông vận tải - Bưu điện	5	3,770,000	1,170,000
	Khách sạn- Du lịch	9	303,601,495	181,942,897
	Tài chính – ngân hàng	5	95,000,000	94,401,544
	Văn hoá - Y tế- giáo dục	14	17,368,251	10,609,101
	Xây dựng văn phòng	10	769,324,593	168,944,017
	Xây dựng hạ tầng KCX- KCN	5	148,922,772	86,110,747
Tổng số		1,408	7,932,164,583	2,937,728,380

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đầu tư Đài Loan tại Việt nam theo ngành năm 2005

(tính tới ngày 31/12/2005 – chỉ tính các dự án còn hiệu lực)

STT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (usd)
I	Công nghiệp	117	339,318,068
	Công nghiệp nhẹ	52	128,517,000
	Công nghiệp nặng	56	200,751,068
	Xây dựng	4	6,400,000
	Công nghiệp thực phẩm	5	3,650,000
II	Nông – Lâm nghiệp	22	42,855,000
	Nông – Lâm nghiệp	18	38,480,000
	Thủy sản	4	4,375,000
III	Dịch vụ	6	6,645,000
	Dịch vụ	5	5,645,000
	Giao thông vận tải - Bưu điện	1	1,000,000
	Tổng số	145	388,818,068

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Với 1408 dự án đang có hiệu lực tại Việt Nam tính đến thời điểm 31/12/2005 thì sự phân bố theo địa phương có sự khác biệt rất lớn. Các vùng kinh tế trọng điểm là nơi có điều kiện kinh tế – xã hội thuận lợi vẫn là đầu tàu về thu hút đầu tư của Đài Loan. Nhìn một cách tổng thể thì số dự án đầu tư lớn nhất là ở Bình Dương với 419 dự án và tiếp đến là Thành phố Hồ Chí Minh với 367 dự án, Đồng Nai là thành phố thứ ba tiếp nhận đầu tư lớn của Đài Loan. Đến cuối năm 2005

Đồng Nai có 272 dự án của Đài Loan với tổng số vốn đầu tư lên đến 2,6 tỷ USD chiếm 1/3 số dự án và hơn 30% tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh này. Với 1048 dự án trong giai đoạn 1988-2005 Đài Loan đã đầu tư ở 44 tỉnh thành của Việt Nam. Trong năm 2005 thì các doanh nghiệp của Đài Loan đầu tư vào 21 tỉnh thành của Việt Nam với 145 dự án và tổng vốn đầu tư là 388,718 triệu USD. Cụ thể số dự án ở các tỉnh, thành phố như sau:

Đầu tư Đài Loan tại Việt Nam theo địa phương 2005

(tính tới ngày 31/12/2005 – chỉ tính các dự án còn hiệu lực)

STT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (usd)
1	Đồng Nai	26	124.500.000
2	Bình Dương	48	119.710.000
3	Vĩnh Phúc	7	24.100.000
4	Hải Dương	2	2.356.653
5	Bắc Ninh	4	23.000.000
6	TP Hồ Chí Minh	23	18586776
7	Tây Ninh	6	11131139
8	Phú Yên	3	10500000
9	Quảng Nam	2	7153500
10	Bình Phước	2	5880000
11	Hà Nội	6	5660000
12	Long An	3	4850000
13	Hưng Yên	1	3000000
14	Bà Rịa – Vũng Tàu	3	2150000
15	Yên Bái	1	1515000
16	Hải Phòng	1	1300000
17	Lâm Đồng	1	1000000
18	Quảng Ninh	2	875000
19	Hà Tây	1	450000
20	Cần Thơ	2	300000
21	Khánh Hoà	1	100000
Tổng số		145	388,718,068

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Như vậy đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam theo địa phương cũng không nằm ngoài quy luật chung. Đó là tập trung ở những tỉnh, thành phố có hạ tầng cơ sở kỹ thuật tương đối tốt, vị trí địa lý thuận lợi so với các địa phương khác. Theo báo năm 2005 của Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì Hà Nội đứng đầu 44 địa phương trong cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài với 113 dự án đầu tư nước ngoài có tổng vốn đầu tư đăng ký 1.280 triệu USD. Tiếp theo là Bà Rịa Vũng Tàu có 14 dự án với vốn đăng ký 722,4 triệu USD. Đồng Nai đứng thứ ba với 91 dự án có tổng vốn đầu tư đăng ký 430,7 triệu USD, Thành phố Hồ Chí Minh đứng thứ

tư với 281 dự án có tổng vốn đầu tư đăng ký 430 triệu USD. Bình Dương đứng thứ 5 với 168 dự án có tổng vốn đầu tư đăng ký 391,8 triệu USD. Đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam năm 2005 cũng chủ yếu tập trung vào các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2002, tổng kim ngạch thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam đạt 2,735 tỷ USD, tăng 27,48% so với năm 2001; kim ngạch xuất khẩu của Đài Loan vào Việt Nam đạt 2,287 tỷ USD, tăng lần lượt 32,45% và 7% so với năm 2001; Mức xuất siêu của Đài Loan với thị trường Việt Nam tăng 40,6% so với năm 2001, đưa Việt Nam trở thành nước

xuất siêu lớn thứ 5 của Đài Loan, Về đầu tư, theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch - Đầu tư, tính đến cuối tháng 8 năm 2003, Đài Loan đứng thứ 2 trong tổng số 63 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 1.044 dự án, có tổng số vốn đăng ký khoảng 5,6 tỷ USD, Trong đó, tổng số vốn đầu tư của Đài Loan được đưa vào triển khai thực hiện dự án đạt trên 2,5 tỷ USD, đứng thứ 3 sau Nhật Bản và Singapo. Các dự án có vốn đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam đang tạo việc làm cho 135.000 lao động trực tiếp và đạt tổng doanh thu khoảng 6,5 tỷ USD. Các dự án của Đài Loan tập trung chủ yếu trong hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế của Việt Nam, trong đó, lĩnh vực công nghiệp và xây dựng được thu hút mạnh nhất với 746 dự án và tổng số vốn đăng ký là 3,7 tỷ USD, chiếm 72% tổng số dự án, 66,7% về vốn đầu tư, 87% tổng doanh thu và 82,9% tổng số lao động trực tiếp. Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng thì công nghiệp nhẹ chiếm 33,9% tổng số dự án, 35,5% vốn đầu tư, 40,7% tổng doanh thu và 57,9% tổng số lao động trực tiếp. Lĩnh vực dịch vụ với 60 dự án, chiếm 5,8% tổng số dự án, 22,1% vốn đầu tư. Trong lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp, các dự án của Đài Loan chiếm một tỷ trọng lớn với hơn 220 dự án, tổng số vốn đăng ký 59,1 triệu USD, chiếm 21,4% tổng số dự án, 11% vốn đầu tư, 9,2% tổng doanh thu và 14,9% tổng số lao động trực tiếp. Một số dự án của Đài Loan có quy mô lớn như Công ty Xi măng Chinfon Hải Phòng (vốn đầu tư 288,3 triệu USD), Công ty TNHH Vedan Việt Nam, chuyên sản xuất bột ngọt (Vốn đầu tư 387 triệu USD), Công ty TNHH Uni-President Việt Nam (vốn đầu tư 150 triệu USD), chuyên sản xuất thức ăn gia súc và mỳ ăn liền với chất lượng cao. Trong những năm tới Uni-President Việt Nam dự tính đầu tư thêm một nhà máy chế biến đậu ăn và nước giải khát để hoàn tất mục tiêu kinh doanh

tổng hợp tại Việt Nam. Trong số các dự án cấp mới trong năm 2005 có một số dự án có quy mô khá lớn như công ty TNHH Thép không gỉ (do tập đoàn Qian Ding - Đài Loan đăng ký qua Samoa) với tổng vốn đầu tư 700 triệu USD. Trong năm 2005, các dự án được cấp phép từ Samoa vào Việt Nam đều do các nhà đầu tư Đài Loan là chủ đầu tư chính, do đó nếu tính gộp cả đầu tư của Samoa và Đài Loan thì Đài Loan là vùng lãnh thổ có vốn đầu tư đăng ký mới lớn nhất với 172 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.115,3 triệu USD.

Trong 10 dự án tăng vốn lớn nhất tính đến hết năm 2004 thì Đài Loan có hai dự án. Đó là công ty xi măng Chinfon Hải Phòng với tổng vốn đầu tư 450 triệu USD và tăng thêm vốn là 161,7 triệu USD. Dự án thứ hai là Công ty TNHH sắt thép Sun Steel với tổng vốn đầu tư là 244 triệu USD thì nay tăng thêm 147 triệu USD nữa⁽³⁾. Chỉ tính riêng 12 tháng của năm 2005 thì Đài Loan vẫn là nước tăng vốn đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam. Với 156 lượt tăng vốn và tổng vốn đầu tư tăng thêm là 339,49 triệu USD, trong đó vốn pháp định tăng 157,92 triệu USD.⁽⁴⁾ Cũng trong năm 2005 các doanh nghiệp Đài Loan đã được Việt Nam cấp phép đầu tư mới 164 dự án, tổng vốn đầu tư là 366,898 triệu USD và vốn pháp định là 182,355 USD. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam có kết quả khả quan, kích thích các nhà đầu tư đầu tư thêm vốn vào Việt Nam để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Các nhà đầu tư Đài Loan khác trước đây còn e ngại, giờ đã chính thức đăng ký đầu tư vào Việt Nam làm con số dự án đầu tư vào Việt Nam không ngừng tăng lên. Theo bà Lưu Thụy Anh, Ban quản lý khu chế xuất,

⁽³⁾ Nguyễn Trường Lạng (2005), *Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, trang 167.

⁽⁴⁾ Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kinh tế Đài Loan cho biết: chỉ riêng trong hơn một năm qua bà đã đưa gần 30 đoàn Doanh nghiệp Đài Loan sang Việt Nam để tìm hiểu môi trường đầu tư của Việt Nam. Đặc biệt, theo bà Anh, trong suốt hai năm qua hầu như chưa có sự kêu ca phàn nàn của các doanh nghiệp Đài Loan đang làm ăn tại Việt Nam về môi trường đầu tư ở đây.

Để hỗ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp Đài Loan đầu tư vào Việt Nam được thuận tiện, Việt Nam đã cấp giấy phép cho nhiều ngân hàng Đài Loan được hoạt động tại Việt Nam. Hiện tại, Đài Loan là vùng lãnh thổ có nhiều ngân hàng tại Việt Nam nhất 9 ngân hàng. Những ngân hàng lớn nhất tại Đài Loan cũng đã có mặt tại Việt Nam như: Taishin, Chinfon Com Bank, Union Bank Taiwan.... Bên cạnh đó, cho phép doanh nghiệp được mua bán ngoại tệ ở các ngân hàng thương mại để đáp ứng các giao dịch vãng lai và Chính phủ bảo đảm cân đối ngoại tệ với các dự án quan trọng; đối với những dự án quan trọng, có tính chất quyết định đến việc phát triển kinh tế, Nhà nước đảm bảo cân đối đủ ngoại tệ cho doanh nghiệp hoạt động.

Đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam chủ yếu theo 3 hình thức: 100% vốn nước ngoài, chiếm 85,3% tổng số dự án và 68,7% về vốn đầu tư; Hình thức liên doanh, chiếm 13,5% tổng số dự án và 30,4% về vốn đầu tư; Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, chiếm 1,2% tổng số dự án và 0,4% về vốn đầu tư.

Tính tới ngày 30 tháng 12 năm 2005, đối với các dự án còn hiệu lực thì cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài trong giai đoạn 1988-2005 theo nước thì Đài Loan là nước đứng đầu trong tổng số 75 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Với số dự án chiếm 23,58%, tổng vốn đầu tư chiếm 15,23%, vốn pháp định 14,83% và vốn đầu tư thực hiện là 10,12%. Tuy số dự án của Đài Loan đứng đầu trong tổng số các nước đầu tư

vào Việt Nam nhưng vốn đầu tư thực hiện vào Việt Nam lại ít hơn Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhật Bản với số dự án chỉ chiếm 9,95% và tổng vốn đầu tư chỉ chiếm 12,33% những vốn đầu tư thực hiện tại Việt Nam lại chiếm 16,68% trên tổng số vốn đầu tư thực tế tại Việt Nam. Singapore là nước đầu tư vào Việt Nam khá lớn chỉ đứng sau Đài Loan về tổng vốn đầu tư. Trong khi số dự án của Singapore chỉ chiếm 6,68% nhưng tổng vốn đầu tư lại chiếm tới 14,92% và vốn đầu tư thực hiện cũng đạt con số 12,94% vẫn cao hơn Đài Loan 2,28%.⁽⁵⁾ Điều này cho thấy trong 75 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, các nước Châu Á có số vốn đầu tư lớn nhất. Chỉ riêng 5 nước và vùng lãnh thổ Châu Á là Singapore, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông đã chiếm 60,8% tổng số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tại Việt Nam. Tuy Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc có tổng số vốn đầu tư tương đối lớn nhưng số dự án thì lại ít hơn rất nhiều so với Đài Loan, điều này cho thấy các dự án mà Đài Loan đầu tư vào Việt Nam nhất là từ năm 2000 đến nay, các nhà đầu tư Đài Loan có khuynh hướng thiên về đầu tư ở quy mô vừa và nhỏ, tăng tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu, các dự án mang tính khả thi cao, doanh nghiệp quay vòng vốn và mang lại lợi nhuận nhanh, tránh được rủi ro nếu tình hình thị trường quốc tế và trong nước có biến động. Nhìn chung, các dự án đầu tư của Đài Loan được thực hiện tương đối có hiệu quả, đã tạo được chỗ đứng trên thị trường Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp Đài Loan đã mở rộng quy mô đầu tư, kinh doanh và có mặt tại 44 tỉnh, thành phố của Việt Nam, trong đó tập trung chủ yếu ở Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bình Dương, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu...

⁽⁵⁾ Công văn số 1141/BKH-ĐTNN Bộ Kế hoạch - Đầu tư nước ngoài ngày 24/2/2006.

Thông tin từ Trung tâm xúc tiến đầu tư và thương mại Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay, nhiều tập đoàn lớn của Đài Loan đã thu hẹp sản xuất tại chỗ để chuyển phần lớn sang Việt Nam sản xuất hoặc đầu tư mới với quy mô lớn. Cụ thể, năm 2004 công ty dệt Chung Shing đã đóng cửa hai nhà máy tại Đài Loan và chuyển máy móc thiết bị sang Việt Nam. Theo Hiệp hội dệt may Việt Nam, việc có nhiều tập đoàn dệt may Đài Loan chuyển hướng đầu tư vào Việt Nam là một tín hiệu tốt nhằm tăng cường đầu tư, giải quyết lao động, cung cấp nguyên phụ liệu, đẩy mạnh xuất khẩu... Xu hướng này của các doanh nghiệp Đài Loan cũng nằm trong làn sóng đầu tư vào Việt Nam của các tập đoàn dệt may lớn trên thế giới.

Kết luận

Trong thời gian qua Việt Nam đã tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, xúc tiến đầu tư, tổ chức thẩm định, cấp phép và quản lý sau giấy phép đối với các dự án. Đã tổ chức giao ban vùng đối với công tác đầu tư nước ngoài tại hai vùng Bắc, Nam để đánh giá cụ thể tình hình đầu tư nước ngoài, phát hiện các khó khăn vướng mắc và bàn biện pháp xử lý mà các doanh nghiệp nước ngoài gặp phải trong quá trình đầu tư tại Việt Nam.

Việt Nam cũng đã áp dụng phương thức vận động đầu tư được đổi mới theo hướng tăng cường các đoàn đi vận động đầu tư trực tiếp tới từng tập đoàn lớn của nước ngoài và chú trọng kêu gọi đầu tư vào các dự án trọng điểm. Trong năm qua, công tác hỗ trợ hình thành dự án đầu tư nước ngoài đã tiếp tục được tăng cường, trong đó có những dự án lớn phức tạp về pháp lý như dự án thép không gỉ của Đài Loan cũng đã được hỗ trợ và hoàn tất. Năm 2005, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cao, vốn đăng ký mới đạt mức cao nhất kể từ sau

khủng hoảng tài chính khu vực. Vốn thực hiện tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước và đạt mức cao nhất kể từ khi ban hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1988.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Đài Loan hoạt động tại Việt Nam đạt kết quả khả quan với tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam. Ông Chiyoung Chen, Phụ trách Thương mại thuộc Văn phòng kinh tế – Văn hoá Đài Bắc tại Việt Nam cho biết: “Vốn đầu tư trực tiếp của Đài Loan vào Việt Nam sẽ tiếp tục có xu hướng tăng mạnh như vài năm trước đây. Các doanh nghiệp Đài Loan đã và đang đầu tư chủ yếu vào các lĩnh vực công nghiệp sản xuất giấy, gỗ gia dụng, xi măng, dệt may, xe máy và các lĩnh vực khác... ở Việt Nam. Đặc biệt, một số tập đoàn nổi tiếng của Đài Loan trong lĩnh vực điện tử cũng đang chuẩn bị thâm nhập thị trường Việt Nam. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam và sự hợp tác tích cực của Đài Loan sẽ tạo điều kiện cho đầu tư trực tiếp của Đài Loan vào Việt Nam tiếp tục gia tăng”.⁽⁶⁾

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao, Vụ tổng hợp kinh tế, *Đặc san kinh tế đối ngoại Việt Nam 2005*, Số tháng 1 năm 2006.
2. *Báo công nghiệp*, Số 21 năm 2003
3. Công văn số 1141/BKH-ĐTNN Bộ Kế hoạch - Đầu tư nước ngoài ngày 24/2/2006.
4. Nguyễn Trường Lạng (2005), *Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*
5. Số liệu của Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁽⁶⁾ Báo công nghiệp, Số 21 năm 2003.